

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 981/2026/DS-PT

Ngày: 11/8/2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Thủy.

Ông Nguyễn Hữu Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Mỹ Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày **11 tháng 08** năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1383/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2026 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 205/2026/DS-ST ngày 26 tháng 05 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1466/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1958.

Đ chi: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà **Hồ Thị Lệ T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 10/3/2026, và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, **nguyên đơn là bà Bùi Thị H trình bày:** Vào năm 2021 bà H có nói ai làm môi giới cho bà H bán được đất thì cho 10.000.000 đồng. Bà T có môi giới cho ông L nhận chuyển nhượng đất của bà H vào khoảng năm 2020, 2021 không nhớ ngày tháng, ông L có đặt cọc cho bà H là 20.000.000 đồng. Bà T có hỏi vay bà H số tiền 5.000.000 đồng, khi cho vay không có giấy tờ. Đến năm 2022 đất bà H vào quy hoạch nên bà H và ông L thỏa thuận không mua bán đất nữa, đến năm 2025 bà H mới trả lại tiền cọc cho ông L số tiền là 15.000.000 đồng. Do không có tiền trả cho ông L nên kéo dài đến nay. Quá trình từ năm 2022 đến

năm 2026 bà H cũng đã nhắc nhở nhiều lần với bà T yêu cầu bà T trả lại cho bà H số tiền 5.000.000 đồng. Yêu cầu bà T trả lại cho bà H số tiền 5.000.000 đồng.

- Theo các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Hồ Thị Lệ T trình bày: Vào năm 2021 bà T có môi giới cho bà H bán đất, bà H có hứa bán đất được cho bà T số tiền là 10.000.000 đồng. Ông L là người mua đất có đặt cọc cho bà H số tiền 20.000.000 đồng nên bà H có đưa cho bà T số tiền 5.000.000 đồng tiền môi giới bán đất. Việc bà H và ông L không mua bán đất được nữa và hủy hợp đồng mua bán và trả lại tiền cọc thì bà T không biết. Bà T có nhận số tiền 5.000.000 đồng từ bà H nhận tiền vào ngày ông L đặt cọc đất cho bà H, không nhớ rõ ngày tháng. Bà T không đồng ý trả lại tiền cho bà H, vì không có tiền.

- Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Toà án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số 205/2026/DS-ST ngày 26 tháng 05 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Hồ Thị Lệ T trả cho nguyên đơn Bùi Thị H số tiền vay vốn là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) không tính lãi.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn bà Hồ Thị Lệ T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu cấp tòa án phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm 205/2026/DS-ST ngày 26 tháng 05 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 14 theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự cho thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến cũng như chứng cứ các bên cung cấp và trình bày. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T trả lại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) mà bà H cho rằng đã cho bà T vay. Bị đơn không thừa nhận nghĩa vụ trả số tiền trên nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nội dung và hình thức đơn kháng cáo phù hợp quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà T về việc không đồng ý trả cho nguyên đơn bà H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, ngày 08/3/2021, bà T là người môi giới cho ông L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H. Trong quá trình thực hiện việc chuyển nhượng, ông L đã đặt cọc cho bà H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Tại thời điểm này, bà T có hỏi mượn bà H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), việc giao nhận tiền có ông L chứng kiến. Mặc dù tại cấp sơ thẩm bà T không thừa nhận số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là tiền mượn mà cho rằng đây là tiền hoa hồng môi giới, nhưng bà T thừa nhận có nhận của bà H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào năm 2021. Như vậy, việc bà T đã nhận số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) của bà H là có thật nhưng bà T cho rằng số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là tiền hoa hồng mà bà H trả cho bà do bà đã môi giới việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H và ông L. Tuy nhiên, chính bà T cũng trình bày bà H có hứa sẽ cho bà số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nếu môi giới bán được đất. Trong khi đó, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H và ông L sau đó không thực hiện được, các bên đã hủy việc chuyển nhượng và bà H đã hoàn trả tiền đặt cọc cho ông L. Do đó, mục đích môi giới chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà bà T cho rằng là căn cứ để bà được hưởng

tiền hoa hồng đã không hoàn thành, nên cấp sơ thẩm buộc bà T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là phù hợp.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ:

-Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tụng dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội.

* Tuyên xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Lệ T.

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 205/2026/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho bị đơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND **Khu** vực 14 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tuyết Mai

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Loan

Nguyễn Thị Trang Thu

Phan Thị Tuyết Mai